BỘ Y TẾ
CỤC QUẢN LÝ DƯỢC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 641 / QĐ-QLD

Hà Nội, ngày 01 *tháng* 11 *năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành danh mục 106 thuốc sản xuất trong nước được cấp giấy đăng ký lưu hành tại Việt Nam - Đợt 172

CỤC TRƯỞNG CỤC QUẢN LÝ DƯỢC

Căn cứ Luật Dược số 105/2016/QH13 ngày 06/4/2016;

Căn cứ Nghị định số 75/2017/NĐ-CP ngày 20/6/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế;

Căn cứ Thông tư số 32/2018/TT-BYT ngày 12/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định việc đăng ký lưu hành thuốc, nguyên liệu làm thuốc;

Căn cứ Thông tư số 29/2020/TT-BYT ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Y tế sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành, liên tịch ban hành;

Căn cứ Quyết định số 7868/QĐ-BYT ngày 28/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Quản lý Dược thuộc Bộ Y tế;

Căn cứ kết luận của Hội đồng tư vấn cấp giấy đăng ký lưu hành thuốc, nguyên liệu làm thuốc - Bộ Y tế;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Đăng ký thuốc, Cục Quản lý Dược,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Danh mục 106 thuốc sản xuất trong nước được cấp giấy đăng ký lưu hành tại Việt Nam - Đợt 172, cụ thể:

1. Danh mục 100 thuốc sản xuất trong nước được cấp giấy đăng ký lưu hành tại Việt Nam hiệu lực 05 năm (*Phụ lục I kèm theo*). Các thuốc tại Danh mục này có số đăng ký với ký hiệu VD-…-21 và hiệu lực 05 năm kể từ ngày ký ban hành Quyết định này.

2. Danh mục 06 thuốc sản xuất trong nước được cấp giấy đăng ký lưu hành tại Việt Nam hiệu lực 03 năm (*Phụ lục II kèm theo*). Các thuốc tại Danh mục này có số đăng ký với ký hiệu VD3-…-21 và hiệu lực 03 năm kể từ ngày ký ban hành Quyết định này.

Điều 2. Cơ sở sản xuất và cơ sở đăng ký thuốc có trách nhiệm:

1. Sản xuất thuốc theo đúng các hồ sơ, tài liệu đã đăng ký với Bộ Y tế và phải in số đăng ký được Bộ Y tế Việt Nam cấp lên nhãn thuốc.

2. Chỉ được sản xuất, đưa ra lưu hành các thuốc kiểm soát đặc biệt khi có Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược phạm vi kinh doanh thuốc phải kiểm soát đặc biệt phù hợp với phạm vi hoạt động của cơ sở đáp ứng quy định tại khoản 5 Điều 143 Nghị định số 54/2017/NĐ-CP ngày 08/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Dược.

3. Thực hiện việc cập nhật tiêu chuẩn chất lượng của thuốc theo quy định tại Thông tư số 11/2018/TT-BYT ngày 04/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về chất lượng thuốc, nguyên liệu làm thuốc.

4. Thực hiện, phối hợp với cơ sở nhập khẩu thực hiện theo đúng quy định tại Công văn số 5853/QLD-CL ngày 19/4/2019 của Cục Quản lý Dược về việc kiểm tra chất lượng nguyên liệu làm thuốc nhóm sartan đối với các thuốc thuộc danh mục tại Điều 1 có chứa dược chất thuộc nhóm sartan.

5. Cập nhật nhãn thuốc, tờ hướng dẫn sử dụng thuốc theo quy định tại Thông tư số 01/2018/TT-BYT ngày 18/01/2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định ghi nhãn thuốc, nguyên liệu làm thuốc và tờ hướng dẫn sử dụng thuốc trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày ký ban hành Quyết định này, theo hình thức thay đổi, bổ sung giấy đăng ký lưu hành thuốc quy định tại Thông tư số 32/2018/TT-BYT ngày 12/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định việc đăng ký lưu hành thuốc, nguyên liệu làm thuốc và Thông tư số 29/2020/TT-BYT ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Y tế sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành, liên tịch ban hành.

6. Phối hợp với các cơ sở điều trị để thực hiện theo đúng các quy định hiện hành về thuốc kê đơn, theo dõi an toàn, hiệu quả, tác dụng không mong muốn của thuốc trên người Việt Nam và tổng hợp, báo cáo theo quy định tại Điều 5 Thông tư số 32/2018/TT-BYT ngày 12/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định việc đăng ký lưu hành thuốc, nguyên liệu làm thuốc đối với các thuốc thuộc Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định này (giấy đăng ký lưu hành có ký hiệu VD3-…..-21).

7. Cơ sở đăng ký thuốc phải bảo đảm duy trì điều kiện hoạt động trong thời gian hiệu lực của giấy đăng ký lưu hành thuốc, nguyên liệu làm thuốc. Trong trường hợp không còn đáp ứng đủ điều kiện hoạt động, cơ sở đăng ký phải có trách nhiệm thực hiện thay đổi cơ sở đăng ký theo quy định tại Thông tư số 32/2018/TT-BYT ngày 12/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định việc đăng ký lưu hành thuốc, nguyên liệu làm thuốc trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày cơ sở đăng ký không còn đủ điều kiện hoạt động.

8. Cơ sở sản xuất thuốc phải bảo đảm các điều kiện hoạt động của cơ sở sản xuất trong thời hạn hiệu lực của giấy đăng ký lưu hành thuốc, nguyên liệu làm thuốc.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Giám đốc Sở Y tế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Giám đốc cơ sở sản xuất và cơ sở đăng ký có thuốc tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- Bộ trưởng BYT (để b/c);
- TT. Trương Quốc Cường (để b/c);
- Cục Quân y - Bộ Quốc phòng, Cục Y tế - Bộ Công an;
- Cục Y tế GTVT - Bộ Giao thông vận tải;
- Tổng Cục Hải quan - Bộ Tài chính;
- Bảo hiểm xã hội Việt Nam;
- Bộ Y tế: Vụ PC, Cục QLYDCT, Cục QLKCB, Thanh tra Bộ, Văn phòng HĐTV cấp GĐKLH thuốc, NLLT;
- Viện KN thuốc TƯ, Viện KN thuốc TP. HCM;
- Tổng Công ty Dược Việt Nam - Công ty CP;
- Các Bệnh viện, Viện có giường bệnh trực thuộc Bộ Y tế;
- Cục QLD: P.QLKDD, P.QLCLT, P.PCTTra, P.QLGT; Website;
- Lưu: VT, ĐKT(10b).

CỤC TRƯỞNG

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
CỤC QUẢN LÝ DƯỢC
BỘ Y TẾ

Vũ Tuấn Cường

BỘ Y TẾ
CỤC QUẢN LÝ DƯỢC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC I
DANH MỤC 100 THUỐC SẢN XUẤT TRONG NƯỚC ĐƯỢC CẤP GIẤY ĐĂNG KÝ LƯU HÀNH TẠI VIỆT NAM HIỆU LỰC 05 NĂM - ĐỢT 172

Ban hành kèm theo Quyết định số: 641...../QĐ-QLD, ngày 01../11../2021.

1. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần dược - trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar) *(Đ/c: 498 Nguyễn Thái Học, P. Quang Trung, TP. Qui Nhơn, Bình Định - Việt Nam)*

1.1 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần dược - trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar) *(Đ/c: 498 Nguyễn Thái Học, P. Quang Trung, TP. Qui Nhơn, Bình Định - Việt Nam)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
1	Bifolox 200 mg/ 100ml	Mỗi 100ml chứa: Ofloxacin 200 mg	Dung dịch tiêm truyền	36 tháng	TCCS	Hộp 1 chai x 100ml; Chai 100ml	VD-35405-21
2	Bifopezon 2g	Cefoperazon (dưới dạng Cefoperazon natri) 2g	Bột pha tiêm	24 tháng	USP hiện hành	Hộp 1, 5, 10 lọ	VD-35406-21
3	Bilodes 0,5mg/ml	Desloratadin 0,5mg/ml	Dung dịch uống	24 tháng	TCCS	Hộp 1 chai x 30ml, 50ml, 60ml, 100ml	VD-35407-21
4	Moxifloxacin Bidiphar 400mg/100ml	Mỗi 100ml chứa: Moxifloxacin (dưới dạng Moxifloxacin hydroclorid) 400mg	Dung dịch tiêm truyền	24 tháng	TCCS	Hộp 1 chai 100ml; Chai 100ml	VD-35408-21

2. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần dược Apimed. *(Đ/c: 263/9 Lý Thường Kiệt, phường 15, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh - Việt Nam)*

2.1 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần dược Apimed *(Đ/c: Đường N1, cụm công nghiệp Phú Thạnh - Vĩnh Thanh, xã Vĩnh Thanh, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai - Việt Nam)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
5	Apinyl	Mỗi 5ml siro chứa: Terbutalin sulfat 1,5mg; Guaifenesin 66,5mg	Siro	24 tháng	TCCS	Hộp 1 chai x 30 ml, 60 ml, 100 ml	VD-35409-21
6	Etodax 400	Etodolac 400mg	Viên nén bao phim	36 tháng	TCCS	Hộp 3 vỉ, 10 vỉ x 10 viên. Hộp	VD-35410-21

						1 chai 100 viên, 200 viên	

3. Công ty đăng ký: Công ty Cổ phần dược Medipharco *(Đ/c: Số 8, Nguyễn Trường Tộ, phường Phước Vĩnh, TP. Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế - Việt Nam)*

3.1 Nhà sản xuất: Công ty Cổ phần dược Medipharco *(Đ/c: Số 8, Nguyễn Trường Tộ, phường Phước Vĩnh, TP. Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế - Việt Nam)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
7	Perindopril 2	Perindopril erbumin 2mg	Viên nén	24 tháng	TCCS	Hộp 03 vỉ x 10 viên	VD-35411-21
8	Perindopril 4	Perindopril erbumin 4mg	Viên nén	24 tháng	TCCS	Hộp 03 vỉ x 10 viên	VD-35412-21
9	Perindopril 8	Perindopril erbumin 8mg	Viên nén	24 tháng	TCCS	Hộp 03 vỉ x 10 viên	VD-35413-21
10	Pesancidin-H	Mỗi 1g chứa: Acid fusidic 100mg; Hydrocortison acetat 50mg	Kem bôi da	36 tháng	TCCS	Hộp 01 tuýp 5g, 10g, 15g, 30g	VD-35414-21
11	Rosuvastatin 10	Rosuvastatin (dưới dạng Rosuvastatin calci) 10mg	Viên nén bao phim	36 tháng	TCCS	Hộp 03 vỉ x 10 viên	VD-35415-21
12	Rosuvastatin 20	Rosuvastatin (dưới dạng Rosuvastatin calci) 20mg	Viên nén bao phim	36 tháng	TCCS	Hộp 03 vỉ x 10 viên	VD-35416-21
13	Rosuvastatin 5	Rosuvastatin (dưới dạng Rosuvastatin calci) 5mg	Viên nén bao phim	36 tháng	TCCS	Hộp 03 vỉ x 10 viên	VD-35417-21

4. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần Dược Minh Hải *(Đ/c: 322 Lý Văn Lâm, Phường 1, Tp. Cà Mau, Tỉnh Cà Mau - Việt Nam)*

4.1 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần Dược Minh Hải *(Đ/c: 322 Lý Văn Lâm, Phường 1, Tp. Cà Mau, Tỉnh Cà Mau - Việt Nam)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
14	Polymexi	Mỗi lọ 5ml chứa: Chloramphenicol 25mg; Dexamethason natri phosphat 2,5mg; Naphazolin hydrochlorid 2,5mg	Dung dịch nhỏ mắt, mũi, tai	36 tháng	TCCS	Hộp 1 chai 5ml, 10ml, 15ml	VD-35418-21

5. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần dược mỹ phẩm Bảo An *(Đ/c: Số 2/115, ngõ 2, đường Định Công Thượng, P. Định Công, Q. Hoàng Mai, Hà Nội - Việt Nam)*

5.1 Nhà sản xuất: Công ty dược phẩm và thương mại Phương Đông - (TNHH) *(Đ/c: TS 509, tờ bản đồ số 01, cụm CN Hạp Lĩnh, phường Hạp Lĩnh, Tp. Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh - Việt Nam)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
15	Anbabrom	Mỗi 5 ml chứa: Bromhexin hydrochlorid 8 mg	Dung dịch uống	36 tháng	TCCS	Hộp 4 vỉ, 6 vỉ x 5 ống 5ml	VD-35419-21

6. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần dược phẩm 3/2 *(Đ/c: 601 Cách Mạng Tháng Tám, Phường 15, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam)*

6.1 Nhà sản xuất: Công ty Cổ phần Dược phẩm 3/2 *(Đ/c: Số 930 C2, Đường C, KCN Cát Lái - Cụm II, Phường Thạnh Mỹ Lợi, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
16	Paracetamol 500 mg	Paracetamol 500 mg	Viên nén bao phim	36 tháng	TCCS	Hộp 10 vỉ x 10 viên; Chai 500 viên	VD-35420-21

7. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A *(Đ/c: KCN Nhơn Trạch 3, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai - Việt Nam)*

7.1 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A *(Đ/c: KCN Nhơn Trạch 3, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai - Việt Nam)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
17	Maxxwomen Plus	Acid Alendronic (dưới dạng Alendronat natri trihydrat 91,37mg) 70 mg; Colecalciferol 28mg	Viên nén bao phim	18 tháng	TCCS	Hộp 1 vỉ, 3 vỉ, 6 vỉ x 4 viên	VD-35421-21

8. Công ty đăng ký: Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên *(Đ/c: 314 Bông Sao, Phường 5, Quận 8, TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam)*

8.1 Nhà sản xuất: Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên *(Đ/c: Lô C16, đường số 9, KCN Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
18	A.T Mometasone furoate 0,1%	Mometason furoat 0,1%	Kem bôi da	36 tháng	TCCS	Hộp 1 tuýp 10g, 15g, 20g, 30g	VD-35422-21
19	Atihepam 3000	Mỗi gói 5g chứa: L-Ornithin - L-Aspartat 3g	Cốm pha dung dịch uống	36 tháng	TCCS	Hộp 10 gói, 20 gói, 30 gói, 50 gói x 5g	VD-35423-21
20	Citicolin A.T 1000mg/4ml	Mỗi 4ml chứa: Citicolin (dưới dạng Citicolin sodium) 1000mg	Dung dịch tiêm	36 tháng	TCCS	Hộp 5 ống, 10 ống, 20 ống x 4ml	VD-35424-21
21	Enoclog 20mg	Rivaroxaban 20mg	Viên nén bao phim	36 tháng	TCCS	Hộp 2, 3, 5, 10 vỉ x 10 viên; Hộp 1 chai 30, 60, 100 viên	VD-35425-21

9. Công ty đăng ký: Công ty Cổ phần Dược phẩm Boston Việt Nam *(Đ/c: Số 43 đường số 8, KCN Việt Nam - Singapore, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương - Việt Nam)*

9.1 Nhà sản xuất: Công ty Cổ phần Dược phẩm Boston Việt Nam *(Đ/c: Số 43 đường số 8, KCN Việt Nam - Singapore, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương - Việt Nam)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
22	Bosditen 400	Cefditoren (dưới dạng Cefditoren Pivoxil) 400mg	Viên nén bao phim	36 tháng	TCCS	Hộp 1, 2, 3, 5, 10 vỉ x 10 viên	VD-35426-21
23	Bosditen 50 sachet	Mỗi gói 1,5g chứa: Cefditoren (dưới dạng Cefditoren Pivoxil) 50mg	Cốm pha hỗn dịch uống	36 tháng	TCCS	Hộp 12, 20, 21, 24, 30 gói x 1,5g	VD-35427-21
24	Bosdogyl	Spiramycin 750.000 IU; Metronidazol 125mg	Viên nén bao phim	36 tháng	TCCS	Hộp 2 vỉ, 5 vỉ, 10 vỉ x 10 viên	VD-35428-21
25	Bosdogyl F	Spiramycin 1.500.000 IU; Metronidazol 250mg	Viên nén bao phim	36 tháng	TCCS	Hộp 2 vỉ, 5 vỉ, 10 vỉ x 10 viên	VD-35429-21

26	Boszapin 10	Olanzapin 10mg	Viên nén bao phim	36 tháng	TCCS	Hộp 3 vỉ, 5 vỉ, 10 vỉ x 10 viên	VD-35430-21
27	Boszapin 2.5	Olanzapin 2,5mg	Viên nén bao phim	36 tháng	TCCS	Hộp 3 vỉ, 5 vỉ, 10 vỉ x 10 viên	VD-35431-21
28	Boszapin 5	Olanzapin 5mg	Viên nén bao phim	36 tháng	TCCS	Hộp 3 vỉ, 5 vỉ, 10 vỉ x 10 viên	VD-35432-21
29	Boszapin 7.5	Olanzapin 7,5mg	Viên nén bao phim	36 tháng	TCCS	Hộp 3 vỉ, 5 vỉ, 10 vỉ x 10 viên	VD-35433-21
30	Cebiat 200	Ceftibuten (dưới dạng Ceftibuten dihydrat) 200mg	Viên nang cứng	36 tháng	TCCS	Hộp 01 vỉ, 02 vỉ, 03 vỉ, 05 vỉ, 10 vỉ x 10 viên	VD-35434-21
31	Cebiat 400	Ceftibuten 400mg	Viên nang cứng	36 tháng	TCCS	Hộp 01 vỉ, 02 vỉ, 03 vỉ, 05 vỉ, 10 vỉ x 10 viên	VD-35435-21
32	Cebiat 90 sachet	Mỗi gói 1,5g chứa: Ceftibuten (dưới dạng Ceftibuten dihyrat) 90mg	Cốm pha hỗn dịch uống	36 tháng	TCCS	Hộp 10, 14, 20, 24 gói x 1,5g	VD-35436-21

10. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần Dược phẩm Cửu Long *(Đ/c: Số 150 đường 14 tháng 9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, Tỉnh Vĩnh Long - Việt Nam)*

10.1 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần Dược phẩm Cửu Long *(Đ/c: Số 150 đường 14 tháng 9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, Tỉnh Vĩnh Long - Việt Nam)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
33	Carbocistein 375 caps	Carbocistein 375mg	Viên nang cứng	36 tháng	TCCS	Hộp 3, 10 vỉ x 10 viên	VD-35437-21
34	Nootripam Plus	Piracetam 400 mg; Cinarizin 25 mg	Viên nang cứng	36 tháng	TCCS	Hộp 3 vỉ x 10 viên	VD-35438-21

11. Công ty đăng ký: Công ty Cổ phần Dược phẩm Dược liệu Pharmedic *(Đ/c: 367 Nguyễn Trãi, phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam)*

11.1 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần dược phẩm dược liệu Pharmedic *(Đ/c: 1/67 Nguyễn Văn Quá, phường Đông Hưng Thuận, Quận 12, TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
35	Bromhexfar	Bromhexin hydroclorid 8 mg	Viên nén	24 tháng	TCCS	Hộp 3 vỉ x 10 viên; Hộp 10 vỉ x 10 viên	VD-35439-21

12. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần dược phẩm Generic *(Đ/c: Cụm 9, xã Duyên Thái, huyện Thường Tín, TP. Hà Nội - Việt Nam)*

12.1 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần dược vật tư y tế Nghệ An *(Đ/c: 68 - Nguyễn Sỹ Sách - TP. Vinh - Tỉnh Nghệ An - Việt Nam)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
36	Doxasin 2	Doxazosin (dưới dạng Doxazosin mesylate) 2mg	Viên nén	36 tháng	TCCS	Hộp 03 vỉ x 10 viên	VD-35440-21

13. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần dược phẩm Gia Nguyễn *(Đ/c: Đường YP6, KCN Yên Phong, xã Đông Phong, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh - Việt Nam)*

13.1 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần dược phẩm Gia Nguyễn *(Đ/c: Đường YP6, KCN Yên Phong, xã Đông Phong, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh - Việt Nam)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
37	Ibufo	Ibuprofen 100mg/5ml	Hỗn dịch uống	24 tháng	TCCS	Hộp 1 lọ x 60 ml, 100 ml	VD-35441-21

14. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm *(Đ/c: Số 04, đường 30/4, Phường 1, Tp. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp - Việt Nam)*

14.1 Nhà sản xuất: Chi nhánh Công ty CPDP Imexpharm-Nhà máy công nghệ cao Bình Dương *(Đ/c: Số 21, đường số 4, khu công nghiệp Việt Nam-Singapore II, phường Hòa Phú, Tp. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương - Việt Nam)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
38	Levofloxacin 500mg/100ml	Levofloxacin (dưới dạng Levofloxacin hemihydrat) 500mg/100ml	Dung dịch tiêm truyền	24 tháng	JP hiện hành	Hộp 5 túi, 10 túi nhôm x 01 chai 100ml	VD-35442-21
39	Teicoplanin 200mg	Teicoplanin 200mg	Bột đông khô pha tiêm	24 tháng	Dược điển Ấn độ hiện hành	Hộp 01 lọ, 05 lọ, 10 lọ	VD-35443-21
40	Vancomycin 500mg	Vancomycin (dưới dạng Vancomycin hydrochlorid) 500mg tương đương 500.000 IU	Bột đông khô pha dung dịch tiêm truyền	24 tháng	USP hiện hành	Hộp 01 lọ, 05 lọ, 10 lọ	VD-35444-21

14.2 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm *(Đ/c: Số 04, đường 30/4, Phường 1, Tp. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp - Việt Nam)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
41	Escin 20mg	Escin 20mg	Viên nén bao tan trong ruột	24 tháng	TCCS	Hộp 01 vỉ, 03 vỉ, 06 vỉ, 10 vỉ x 10 viên	VD-35445-21

15. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà *(Đ/c: 74 Đường Thống Nhất, P. Vạn Thắng, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hoà - Việt Nam)*

15.1 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa *(Đ/c: Đường 2 tháng 4, khóm Đông Bắc, phường Vĩnh Hòa, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa - Việt Nam)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
42	Gemfibrozil 600mg	Gemfibrozil 600mg	Viên nén bao phim	36 tháng	TCCS	Hộp 3 vỉ, 6 vỉ, 10 vỉ x 10 viên; Chai 200 viên	VD-35446-21

16. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun *(Đ/c: 521, khu phố An Lợi, phường Hoà Lợi, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương - Việt Nam)*

16.1 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun *(Đ/c: 521, khu phố An Lợi, phường Hoà Lợi, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương - Việt Nam)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
43	Hardypen	Ticagrelor 90 mg	Viên nén bao phim	36 tháng	TCCS	Hộp 10 vỉ, 03 vỉ x 10 viên	VD-35447-21

17. Công ty đăng ký: Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV *(Đ/c: Số 27, Đường 3A, KCN Biên Hòa II, Phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. - Việt Nam)*

17.1 Nhà sản xuất: Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV *(Đ/c: Số 27, Đường 3A, KCN Biên Hòa II, Phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. - Việt Nam)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
44	Lodimax 5	Amlodipin (dưới dạng Amlodipin	Viên nén bao phim	36 tháng	TCCS	Hộp 2 vỉ x 10 viên	VD-35448-21

		besilat) 5mg					

18. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần Dược phẩm Phương Đông *(Đ/c: Lô số 7, đường số 2, KCN. Tân Tạo, P. Tân Tạo A, Q. Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam)*

18.1 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần Dược phẩm Phương Đông *(Đ/c: Lô số 7, đường số 2, KCN. Tân Tạo, P. Tân Tạo A, Q. Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
45	Nausho	Pregabalin 75 mg	Viên nang cứng	36 tháng	TCCS	Hộp 3 vỉ, 6 vỉ, 10 vỉ x 10 viên	VD-35449-21

19. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần dược phẩm Quảng Bình *(Đ/c: 46 Đường Hữu Nghị - Phường Bắc Lý - TP. Đồng Hới - Tỉnh Quảng Bình - Việt Nam)*

19.1 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần dược phẩm Quảng Bình *(Đ/c: 46 Đường Hữu Nghị - Phường Bắc Lý - TP. Đồng Hới - Tỉnh Quảng Bình - Việt Nam)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
46	Quanazol	Miconazol nitrat 2%	Thuốc kem bôi da	36 tháng	TCCS	Hộp 1 tuýp x 10 g, 15 g, 30 g	VD-35450-21

20. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần dược phẩm SaVi *(Đ/c: Lô Z 01-02-03a KCN trong KCX Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông, quận 7, Tp. Hồ Chí Minh - Việt Nam)*

20.1 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần dược phẩm SaVi *(Đ/c: Lô Z 01-02-03a KCN trong KCX Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông, quận 7, Tp. Hồ Chí Minh - Việt Nam)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
47	SaVi Ivabradine 5	Ivabradin (dưới dạng Ivabradin hydrochlorid) 5mg	Viên nén bao phim	36 tháng	TCCS	Hộp 5 vỉ x 10 viên	VD-35451-21

21. Công ty đăng ký: Công ty Cổ phần Dược phẩm Tenamyd *(Đ/c: Lô Y.01-02A đường Tân Thuận, KCN/KCX Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh. - Việt Nam)*

21.1 Nhà sản xuất: Công ty Cổ phần Dược phẩm Tenamyd *(Đ/c: Lô Y.01-02A đường Tân Thuận, KCN/KCX Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh. - Việt Nam)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký

48	Cefopefast-S 1000	Cefoperazon (dưới dạng Cefoperazon natri) 500mg; Sulbactam (dưới dạng Sulbactam sodium) 500mg	Bột pha tiêm	24 tháng	TCCS	Hộp 1 lọ, 10 lọ	VD-35452-21
49	Cefopefast-S 2000	Cefoperazon (dưới dạng Cefoperazon natri) 1000mg; Sulbactam (dưới dạng Sulbactam sodium) 1000mg	Bột pha tiêm	24 tháng	TCCS	Hộp 1 lọ, 10 lọ	VD-35453-21
50	Tenadol 1000	Cefamandol (dưới dạng Cefamandol nafat) 1000mg	Bột pha tiêm	24 tháng	TCCS	Hộp 1, 10 lọ	VD-35454-21
51	Tenadol 2000	Cefamandol (dưới dạng Cefamandol nafat) 2000mg	Bột pha tiêm	24 tháng	TCCS	Hộp 1, 10 lọ	VD-35455-21
52	Tenadol 500	Cefamandol (dưới dạng Cefamandol nafat) 1000mg	Bột pha tiêm	24 tháng	TCCS	Hộp 1, 10 lọ	VD-35456-21

22. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương I - Pharbaco *(Đ/c: 160 Tôn Đức Thắng, Quận Đống Đa, Tp. Hà Nội - Việt Nam)*

22.1 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương I - Pharbaco *(Đ/c: Thôn Thạch Lỗi, xã Thanh Xuân, huyện Sóc Sơn, TP. Hà Nội - Việt Nam)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
53	Phabazosin 300	Ursodeoxycholic acid 300mg	Viên nang cứng	36 tháng	TCCS	Hộp 10 vỉ x 10 viên	VD-35457-21

23. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần dược phẩm và sinh học y tế *(Đ/c: Số 31 - Đường Ngô Thời Nhiệm - Phường 6 - Quận 3 - TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam)*

23.1 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần dược phẩm và sinh học y tế *(Đ/c: Lô III-18 đường số 13 - Khu công nghiệp Tân Bình - Quận Tân Phú - TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
54	Gonjytaz 50	Mỗi gói 1,5g chứa: Cefditoren (dưới dạng Cefditoren pivoxil) 50mg	Bột pha hỗn dịch uống	36 tháng	TCCS	Hộp 10 gói, 20 gói 1,5g	VD-35458-21

24. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần dược phẩm Vimedimex 2 *(Đ/c: Lô đất N2, đường TS 6, KCN Tiên Sơn, xã Nội Duệ, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh - Việt Nam)*

24.1 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần dược phẩm Vimedimex 2 *(Đ/c: Lô đất N2, đường TS 6, KCN Tiên Sơn, xã Nội Duệ, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh - Việt Nam)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
55	Ambroxol-VMG 30	Ambroxol hydrochlorid 30mg	Viên nén	36 tháng	TCCS	Hộp 2 vỉ, 10 vỉ x 10 viên	VD-35459-21
56	Mycophenolat-VMG 250	Mycophenolat mofetil 250mg	Viên nang cứng	36 tháng	TCCS	Hộp 10 vỉ x 10 viên	VD-35460-21

25. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần dược phẩm Vimedimex 2 *(Đ/c: Lô đất N2, đường TS 6, KCN Tiên Sơn, xã Nội Duệ, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh - Việt Nam)*

25.1. Cơ sở nhượng quyền: Công ty Cổ phần BV Pharma *(Đ/c: Ấp 2, xã Tân Thạch Tây, huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh)*

25.2. Nhà sản xuất: Công ty cổ phần dược phẩm Vimedimex 2 *(Đ/c: Lô đất N2, đường TS 6, KCN Tiên Sơn, xã Nội Duệ, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh - Việt Nam)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
57	Gabapentin-VMG 300	Gabapentin 300mg	Viên nang cứng	36 tháng	TCCS	Hộp 3 vỉ x 10 viên	VD-35461-21

26. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc *(Đ/c: Số 777 đường Mê Linh, Phường Khai Quang, TP. Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc - Việt Nam)*

26.1 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc *(Đ/c: Thôn Mậu Thông-P.Khai Quang- TP. Vĩnh Yên- Tỉnh Vĩnh Phúc - Việt Nam)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
58	Palovin inj	Palonosetron (dưới dạng Palonosetron hydroclorid) 0,25mg/5ml	Dung dịch tiêm	36 tháng	TCCS	Hộp 1 ống x 5ml	VD-35462-21
59	Vinterlin 1mg	Terbutalin sulfat 1mg/ml	Dung dịch tiêm	36 tháng	TCCS	Hộp 2 vỉ x 5 ống x 1ml; Hộp 1, 5 vỉ x 10 ống x 1ml	VD-35463-21

27. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần dược Vacopharm *(Đ/c: Số 59 Nguyễn Huệ, Phường 1, Thành phố Tân An, Tỉnh Long An - Việt Nam)*

27.1 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần dược Vacopharm *(Đ/c: Km 1954, Quốc lộ 1A, P. Tân Khánh, TP. Tân An, Tỉnh Long An - Việt Nam)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
60	Aspirin Vaco	Aspirin (acetylsalicylic acid) 81mg	Viên nén bao phim tan trong ruột	24 tháng	TCCS	Hộp 03 vỉ, 05 vỉ, 10 vỉ, 20 vỉ, 50 vỉ x 10 viên; Hộp 05 vỉ, 10 vỉ, 50 vỉ x 20 viên; Chai 50 viên; 100 viên	VD-35464-21

28. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hà Nam *(Đ/c: Cụm công nghiệp Hoàng Đông, Duy Tiên, Hà Nam - Việt Nam)*

28.1 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hà Nam *(Đ/c: Cụm công nghiệp Hoàng Đông, Duy Tiên, Hà Nam - Việt Nam)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
61	Tilnium	Otilonium bromid 40mg	Viên nén bao phim	36 tháng	TCCS	Hộp 3 vỉ x 10 viên	VD-35465-21

29. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar *(Đ/c: 297/5 Lý Thường Kiệt, Phường 15, Quận 11, Tp. Hồ Chí Minh - Việt Nam)*

29.1 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar *(Đ/c: 297/5 Lý Thường Kiệt, Phường 15, Quận 11, Tp. Hồ Chí Minh - Việt Nam)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
62	Augbactam 281,25	Mỗi 2g cốm chứa Amoxicilin (dưới dạng Amoxicilin trihydrat) 250mg; Acid clavulanic (dưới dạng Kali clavulanat và silicon dioxyd, tỷ lệ 1:1) 31,25mg	Cốm pha hỗn dịch uống	36 tháng	TCCS	Hộp 12 gói x 2g	VD-35466-21
63	Paracold 500 Effer Vescent	Paracetamol 500mg	Viên nén sủi bọt	24 tháng	TCCS	Hộp 04 vỉ x 04 viên	VD-35467-21

30. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần Pymepharco *(Đ/c: 166 - 170 Nguyễn Huệ, Thành phố Tuy Hoà, tỉnh Phú Yên - Việt Nam)*

30.1 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần Pymepharco *(Đ/c: 166 - 170 Nguyễn Huệ, Thành phố Tuy Hoà, Tỉnh Phú Yên - Việt Nam)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
64	Furocap 500	Cefuroxim (dưới dạng Cefuroxim axetil) 500mg	Viên nén bao phim	36 tháng	TCCS	Hộp 2 vỉ x 5 viên	VD-35468-21
65	Minicef	Cefixim (dưới dạng Cefixim trihydrat) 200mg	Viên nén bao phim	36 tháng	TCCS	Hộp 01 vỉ x 10 viên	VD-35469-21
66	Sulraapix 1,5g	Cefoperazon (dưới dạng Cefoperazol natri) 1g; Sulbactam (dưới dạng Sulbactam natri) 0,5g	Bột pha tiêm	36 tháng	TCCS	Hộp 01 lọ, Hộp 10 lọ	VD-35470-21
67	Sulraapix 2g	Cefoperazon (dưới dạng Cefoperazon natri) 1g; Sulbactam (dưới dạng Sulbactam natri) 1g	Bột pha tiêm	36 tháng	TCCS	Hộp 01 lọ, Hộp 10 lọ	VD-35471-21

30.2 Nhà sản xuất: Nhà máy Stada Việt Nam *(Đ/c: 189 Hoàng Văn Thụ, phường 9, Tp. Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên - Việt Nam)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
68	Amlodipine EG 10 mg	Amlodipin (dưới dạng Amlodipin besilat) 10mg	Viên nén	36 tháng	TCCS	Hộp 2 vỉ x 15 viên, Hộp 3 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 14 viên	VD-35472-21
69	Amlodipine EG 5 mg	Amlodipin (dưới dạng Amlodipin besilat) 5mg	Viên nén	36 tháng	TCCS	Hộp 02 vỉ x 15 viên, Hộp 03 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 14 viên	VD-35473-21
70	Bisoprolol EG 5 mg	Bisoprolol fumarat 5mg	Viên nén bao phim	36 tháng	TCCS	Hộp 3 vỉ x 10 viên	VD-35474-21
71	Fluconazol EG 150 mg	Fluconazol 150mg	Viên nang cứng	36 tháng	TCCS	Hộp 1 vỉ x 1 viên	VD-35475-21
72	Piracetam EG 800mg	Piracetam 800mg	Viên nén	36	TCCS	Hộp 3 vỉ x 15	VD-35476-21

			bao phim	tháng		viên	
73	Sorbitol EG 5 g	Mỗi gói 5g chứa Sorbitol 5g	Thuốc bột uống	36 tháng	TCCS	Hộp 20 gói x 5g	VD-35477-21

31. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần thiết bị T&T *(Đ/c: Lô 13, khu tập thể Công nghệ phẩm, phường Văn Quán, quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội - Việt Nam)*

31.1 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây *(Đ/c: Tổ dân phố số 4 - P.La Khê - Q.Hà Đông - Tp. Hà Nội - Việt Nam)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
74	Akgynyl 400	Arginin hydroclorid 400mg	Viên nang mềm	24 tháng	TCCS	Hộp 1 túi x 6 vỉ x 10 viên; Hộp 1 túi x 12 vỉ x 5 viên	VD-35478-21

32. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần Traphaco *(Đ/c: 75 Yên Ninh, Ba Đình, Hà Nội - Việt Nam)*

32.1 Nhà sản xuất: Công ty TNHH Traphaco Hưng Yên *(Đ/c: Thôn Bình Lương, xã Tân Quang, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên - Việt Nam)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
75	Rosuvastatin 10 mg	Rosuvastatin (dưới dạng Rosuvastatin calci) 10mg	Viên nén bao phim	30 tháng	TCCS	Hộp 1 vỉ, 2 vỉ, 3 vỉ, 5 vỉ, 10 vỉ x 10 viên	VD-35479-21
76	Rosuvastatin 20 mg	Rosuvastatin (dưới dạng Rosuvastatin calci) 20 mg	Viên nén bao phim	30 tháng	TCCS	Hộp 1 vỉ, 2 vỉ, 3 vỉ, 5 vỉ, 10 vỉ x 10 viên	VD-35480-21
77	Rosuvastatin 5 mg	Rosuvastatin (dưới dạng Rosuvastatin calci) 5 mg	Viên nén bao phim	30 tháng	TCCS	Hộp 1 vỉ, 2 vỉ, 3 vỉ, 5 vỉ, 10 vỉ x 10 viên	VD-35481-21
78	Trathiol	Mỗi 1 ml chứa: Carbocistein 0,05 g	Dung dịch uống	24 tháng	TCCS	Hộp 1 chai x 50ml, 60ml, 90ml, 100ml	VD-35482-21

33. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần US Pharma Hà Nội *(Đ/c: Số 1 Giang Văn Minh, phường Kim Mã, quận Ba Đình, Hà Nội - Việt Nam)*

33.1 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần dược vật tư y tế Thái Bình *(Đ/c: Km 4 đường Hùng Vương - TP. Thái Bình - tỉnh Thái Bình - Việt Nam)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
79	Celecoxib-US 200	Celecoxib 200mg	Viên nang cứng	36 tháng	TCCS	Hộp 03 vỉ, 10 vỉ x 10 viên; Lọ 100 viên, 200 viên	VD-35483-21

34. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần US Pharma USA *(Đ/c: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, Tp.Hồ Chí Minh - Việt Nam)*

34.1 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần US Pharma USA *(Đ/c: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, Tp.Hồ Chí Minh - Việt Nam)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
80	Cardilol 12.5	Carvedilol 12.5 mg	Viên nén bao phim	36 tháng	TCCS	Hộp 3 vỉ, 5 vỉ, 10 vỉ x 10 viên. Chai 50 viên, 100 viên, 200 viên.	VD-35484-21
81	Cardilol 25	Carvedilol 25 mg	Viên nén bao phim	36 tháng	TCCS	Hộp 3 vỉ, 5 vỉ, 10 vỉ x 10 viên. Chai 50 viên, 100 viên, 200 viên.	VD-35485-21
82	Cardilol 3.125	Carvedilol 3,125mg	Viên nén bao phim	36 tháng	TCCS	Hộp 3 vỉ, 5 vỉ, 10 vỉ x 10 viên. Chai 50 viên, 100 viên, 200 viên.	VD-35486-21
83	Cardilol 6.25	Carvedilol 6.25 mg	Viên nén bao phim	36 tháng	TCCS	Hộp 3 vỉ, 5 vỉ, 10 vỉ x 10 viên. Chai 50 viên, 100 viên, 200 viên.	VD-35487-21

35. Công ty đăng ký: Công ty liên doanh Meyer-BPC *(Đ/c: 6A3, quốc lộ 60, phường Phú Tân, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến tre - Việt Nam)*

35.1 Nhà sản xuất: Công ty liên doanh Meyer-BPC *(Đ/c: 6A3, quốc lộ 60, phường Phú Tân, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến tre - Việt Nam)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
84	Meyerafil 10	Tadalafil 10mg	Viên nén	36	TCCS	Hộp 01 vỉ x 04	VD-35488-21

			bao phim	tháng		viên	
85	Suma NN 50	Sumatriptan (dưới dạng Sumatriptan succinat) 50mg	Viên nén bao phim	36 tháng	TCCS	Hộp 03 vỉ x 10 viên	VD-35489-21

36. Công ty đăng ký: Công ty TNHH dược phẩm Anh Thy *(Đ/c: D7 - tổ dân phố Đình Thôn - Phường Mỹ Đình 1 - Quận Nam Từ Liêm - TP. Hà Nội - Việt Nam)*

36.1 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần dược phẩm và sinh học y tế *(Đ/c: Lô III-18 đường số 13 - Khu công nghiệp Tân Bình - Quận Tân Phú - TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
86	Atqtinz 250	Mỗi 5ml hỗn dịch sau khi pha chứa: Cefprozil (dưới dạng Cefprozil monohydrat) 250mg	Bột pha hỗn dịch uống	36 tháng	TCCS	Hộp 01 chai 50ml, 60ml, 75ml	VD-35490-21

36.2 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần Hóa dược Việt Nam *(Đ/c: Số 192 phố Đức Giang, phường Thượng Thanh, Quận Long Biên, Hà Nội - Việt Nam)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
87	Lakabnof	Benfotiamin 150mg	Viên nén bao đường	36 tháng	TCCS	Hộp 3 vỉ x 10 viên	VD-35491-21

37. Công ty đăng ký: Công ty TNHH dược phẩm Hà Đông *(Đ/c: Khu tập thể xí nghiệp xây dựng 4, xã Duyên Thái, huyện Thường Tín, Hà Nội - Việt nam)*

37.1 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2 *(Đ/c: Lô 27 Khu công nghiệp Quang Minh, huyện Mê Linh, Tp. Hà Nội - Việt Nam)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
88	Sultamicillin Tosylate	Sultamicillin (dưới dạng Sultamicillin tosilat dihydrat) 375mg	Viên nén bao phim	24 tháng	TCCS	Hộp 1 vỉ x 10 viên; Hộp 2 vỉ x 5 viên	VD-35492-21

38. Công ty đăng ký: Công ty TNHH Hasan-Dermapharm *(Đ/c: Đường số 2 - Khu Công nghiệp Đồng An - Phường Bình Hòa - Thị xã Thuận An - Tỉnh Bình Dương - Việt Nam)*

38.1 Nhà sản xuất: Công ty TNHH Hasan-Dermapharm *(Đ/c: Đường số 2 - Khu Công nghiệp Đồng An - Phường Bình Hòa - Thị xã Thuận An - Tỉnh Bình Dương - Việt Nam)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
89	Calci D-Hasan	Calci (dưới dạng Calci carbonat) 500mg; Cholecalcifefol (Vitamin D3) 440IU	Viên nén sủi bọt	24 tháng	TCCS	Hộp 01 tuýp 18 viên	VD-35493-21
90	Vipredni 4 mg	Methylprednisolon 4 mg	Viên nén	36 tháng	TCCS	Hộp 3 vỉ, 10 vỉ x 10 viên	VD-35494-21

39. Công ty đăng ký: Công ty TNHH Liên doanh HASAN - DERMAPHARM *(Đ/c: Lô B - Đường số 2 - Khu Công nghiệp Đồng An - Thị xã Thuận An - Tỉnh Bình Dương - Việt Nam)*

39.1 Nhà sản xuất: Công ty TNHH Liên doanh HASAN - DERMAPHARM *(Đ/c: Lô B - Đường số 2 - Khu Công nghiệp Đồng An - Thị xã Thuận An - Tỉnh Bình Dương - Việt Nam)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
91	Fexofenaderm 120 mg	Fexofenadin hydroclorid 120mg	Viên nén bao phim	36 tháng	TCCS	Hộp 3 vỉ, 10 vỉ x 10 viên	VD-35495-21
92	Levorisan 750	Levofloxacin (dưới dạng Levofloxacin hemihydrat) 750mg	Viên nén bao phim	36 tháng	TCCS	Hộp 03 vỉ, 05 vỉ, 10 vỉ x 10 viên	VD-35496-21
93	Resohasan 2mg	Prucaloprid (dưới dạng Prucaloprid succinat) 2mg	Viên nén bao phim	36 tháng	TCCS	Hộp 03 vỉ, 05 vỉ, 10 vỉ x 10 viên	VD-35497-21
94	Zomisan 7.5	Zopiclone 7,5mg	Viên nén bao phim	36 tháng	BP 2019	Hộp 03 vỉ, 05 vỉ, 10 vỉ x 10 viên	VD-35498-21

40. Công ty đăng ký: Công ty TNHH liên doanh Stellapharm *(Đ/c: K63/1 Nguyễn Thị Sóc, ấp Mỹ Hòa 2, xã Xuân Thới Đông, huyện Hóc Môn, Tp. Hồ Chí Minh - Việt Nam)*

40.1 Nhà sản xuất: Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - chi nhánh 1 *(Đ/c: Số 40 đại lộ tự do, khu công nghiệp Việt Nam - Singapore, phường An Phú, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương - Việt Nam)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
95	Irbeplus HCT 300/12.5	Irbesartan 300mg	Viên nén	24	TCCS	Hộp 2 vỉ x 14	VD-35499-21

		Hydroclorothiazid 12,5mg	bao phim	tháng		viên	
96	Xelostad 15	Rivaroxaban 15 mg	Viên nén bao phim	24 tháng	TCCS	Hộp 1 vỉ, 3 vỉ x 14 viên	VD-35500-21
97	Xelostad 20	Rivaroxaban 20 mg	Viên nén bao phim	24 tháng	TCCS	Hộp 1 vỉ, 3 vỉ x 14 viên	VD-35501-21

41. Công ty đăng ký: Công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam *(Đ/c: Số 3A - Đường Đặng Tất - Phường Tân Định - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam)*

41.1 Nhà sản xuất: Chi nhánh công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam *(Đ/c: Số 60 - Đại lộ Độc lập - KCN Việt Nam-Singapore - Phương An Phú - Thị xã Thuận An - Tỉnh Bình Dương - Việt Nam)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
98	Dexamethason 0,5mg	Dexamethason (dưới dạng Dexamethason acetat) 0,5mg	Viên nén	36 tháng	TCCS	Hộp 10 vỉ x 20 viên; Lọ 500 viên	VD-35502-21
99	Tanabodia	Diosmin 500mg	Viên nén bao phim	36 tháng	TCCS	Hộp 02 vỉ x 15 viên	VD-35503-21

42. Công ty đăng ký: Công ty TNHH Thương mại Dược phẩm Minh Tín *(Đ/c: 925 Lũy Bán Bích, Phường Tân Thành, Quận Tân Phú, Tp.Hồ Chí Minh - Việt Nam)*

42.1 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần dược và vật tư y tế Bình Thuận *(Đ/c: 192 Nguyễn Hội, phường Phú Trinh, TP. Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận - Việt Nam)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
100	Mitilaton	Otilonium bromid 40 mg	Viên nén bao phim	36 tháng	TCCS	Hộp 3 vỉ, 5 vỉ x 10 viên	VD-35504-21

BỘ Y TẾ
CỤC QUẢN LÝ DƯỢC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC II
DANH MỤC 06 THUỐC SẢN XUẤT TRONG NƯỚC ĐƯỢC CẤP GIẤY ĐĂNG KÝ LƯU HÀNH TẠI VIỆT NAM HIỆU LỰC 03 NĂM - ĐỢT 172

Ban hành kèm theo Quyết định số: .641...../QĐ-QLD, ngày 01../11../2021.

1. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 3 *(Đ/c: Số 16 - Lê Đại Hành - P.Minh Khai - Q.Hồng Bàng - Tp. Hải Phòng - Việt Nam)*

1.1 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 3 *(Đ/c: Số 28 - Đường 351 - Xã Nam Sơn - Huyện An Dương - Tp. Hải Phòng - Việt Nam)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
1	Forgout	Febuxostat 40mg	Viên nén bao phim	36 tháng	TCCS	Hộp 02 vỉ, 03 vỉ x 15 viên	VD3-153-21

2. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần dược phẩm Vimedimex 2 *(Đ/c: Lô đất N2, đường TS 6, KCN Tiên Sơn, xã Nội Duệ, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh - Việt Nam)*

2.1 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần dược phẩm Vimedimex 2 *(Đ/c: Lô đất N2, đường TS 6, KCN Tiên Sơn, xã Nội Duệ, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh - Việt Nam)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
2	Tenofovir-VMG 300	Tenofovir disoproxil fumarat 300mg	Viên nén bao phim	36 tháng	TCCS	Hộp 3 vỉ x 10 viên	VD3-154-21

3. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần Pymepharco *(Đ/c: 166-170 Nguyễn Huệ, phường 7, Tp. Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên - Việt Nam)*

3.1 Nhà sản xuất: Nhà máy Stada Việt Nam *(Đ/c: 189 Hoàng Văn Thụ, phường 9, Tp. Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên - Việt Nam)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
3	Tenofovir EG 300 mg	Tenofovir disoproxil fumarat 300mg	Viên nén bao phim	36 tháng	TCCS	Hộp 3 vỉ x 10 viên	VD3-155-21

4. Công ty đăng ký: Công ty TNHH Shine Pharma *(Đ/c: 781/C2, Đường Lê Hồng Phong, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam)*

4.1 Nhà sản xuất: Công ty Cổ phần Thương mại Dược phẩm Quang Minh *(Đ/c: Số 4A - Lò Lu - P. Trường Thạnh - Quận 9 - TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
4	Neblurm	Valaciclovir (dưới dạng Valaciclovir hydroclorid khan) 500mg	Viên nén bao phim	36 tháng	TCCS	Hộp 03 vỉ x 10 viên	VD3-156-21

5. Công ty đăng ký: Công ty TNHH Thương mại Dược phẩm Minh Tín *(Đ/c: 925 Lũy Bán Bích, Phường Tân Thành, Quận Tân Phú, Tp.Hồ Chí Minh - Việt Nam)*

5.1 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần dược và vật tư y tế Bình Thuận *(Đ/c: 192 Nguyễn Hội, phường Phú Trinh, TP. Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận - Việt Nam)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
5	Mitibilastin 10 mg ODT	Bilastine 10 mg	Viên nén phân tán trong miệng	36 tháng	TCCS	Hộp 3 vỉ, 5 vỉ, 10 vỉ x 10 viên	VD3-157-21
6	Mitibilastin 20 mg	Bilastine 20 mg	Viên nén	36 tháng	TCCS	Hộp 3 vỉ, 5 vỉ, 10 vỉ x 10 viên	VD3-158-21